

THĂNG LONG - HÀ NỘI

TRUYỀN THỐNG ANH HÙNG VÀ KHÁT VỌNG HÒA BÌNH

GS. NGND Phan Huy Lê
Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

1. Không biết từ bao giờ và do ai, câu nói "Thăng Long phi chiến địa" lưu truyền rộng rãi ở Hà Nội, vùng ngoại vi và bay xa đến nhiều người, nhiều miền của đất nước. Đây là khát vọng hòa bình thì ai cũng dễ chấp nhận nhưng liên quan đến thực tế nhiều phen khói lửa của đất kinh kỳ và truyền thống anh hùng của Thăng Long - Hà Nội như thế nào? Tôi thử lý giải vấn đề này trên cơ sở phân tích những trang sử chống ngoại xâm hào hùng của mảnh đất nghìn năm văn hiến này với những nét đặc thù trong lịch sử chống ngoại xâm và tư tưởng, nghệ thuật quân sự, trong đạo lý truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Trước hết thử kiểm tra lại sử sách, xem Thăng Long có "phi chiến địa" không?

Từ thời tiền Thăng Long trên vùng đất này đã diễn ra không ít chiến trận. Trong thời dựng nước, sau nhà nước Văn Lang còn vẻ sơ khai và bóng dáng thủ lĩnh, đến nước Âu Lạc đánh dấu một bước phát triển mới của tổ chức nhà nước, của kiến trúc quân sự và lực lượng vũ trang. Vùng đất Hà Nội trở thành trung tâm chính trị, văn hóa của nước Âu Lạc với di sản kinh thành Cổ Loa vừa có di tích ba lớp thành trên mặt đất, vừa bảo tồn một kho tàng di tích cực kỳ phong phú trong lòng đất mà khảo cổ học đã từng bước phát lộ. Vào cuối đời An Dương Vương, kinh thành Cổ Loa đã chứng kiến sự thất bại bi thảm của kháng chiến chống Triệu.

Rồi trong hơn nghìn năm Bắc thuộc, vùng đất Hà Nội là trung tâm sôi sục nhất của các cuộc khởi nghĩa và kháng chiến chống Bắc thuộc. Giữa thế kỷ I, khởi nghĩa Hai Bà Trưng xuất phát từ cuộc hội quân và lễ thề ở cửa sông Hát (Hát Môn, huyện Phúc Thọ, Hà Nội), chính quyền Trưng Vương đóng đô ở Mê Linh (Hạ Lôi, huyện Mê Linh, Hà Nội), rồi chiến trường chống Hán quyết liệt nhất và sự hi sinh của hai nữ anh hùng diễn ra trên đất Cẩm Khê (vùng chân núi Ba Vì, từ huyện Thạch Thất đến Mỹ Đức, Hà Nội). Giữa thế kỷ VI, khởi nghĩa Lý Bí thắng lợi, lập nước Vạn Xuân, dựng chùa Khai Quốc, đài Vạn Xuân, thành gỗ cửa sông Tô Lịch trên vùng trung tâm Hà Nội. Tại đây đã diễn ra cuộc chiến đấu chống quân Lương và sau khi thất bại phải rút lên Gia Ninh (Phú Thọ). Thế kỷ VIII khởi nghĩa Phùng Hưng xây dựng căn cứ trên quê hương Đường Lâm (thị xã Sơn Tây, Hà Nội),

tấn công giải phóng phủ thành An Nam đô hộ ở vùng trung tâm Hà Nội và giữ chính quyền được 7 năm. Đầu thế kỷ X, Khúc Thừa Dụ chiếm phủ thành, giành lại chủ quyền, rồi Dương Đình Nghệ tổ chức cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán, giải phóng phủ thành An Nam.

Kể từ khi vua Lý Thái Tổ định đô Thăng Long năm 1010 cho đến cuối thế kỷ XVIII, đất kinh sư càng nhiều phen phải đương đầu với nạn ngoại xâm.

Cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), với thế mạnh của nhà Lý và tư tưởng quân sự rất kiên quyết, chủ động của Lý Thường Kiệt, phòng tuyến Như Nguyệt đã chặn đứng bước tiến của quân xâm lược Tống, giam chân chúng ở bờ bắc và đánh bại ở đấy. Nhờ đó kinh thành Thăng Long được bảo vệ an toàn¹.

Thế kỷ XIII, ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ và nhà Nguyên, ba lần triều đình và quân đội phải rút khỏi kinh thành. Đất kinh sư đã bị quân địch chiếm đóng và tàn phá, nhưng chỉ là tòa thành trống không, nhân dân theo lời kêu gọi của nhà Trần đã cất dấu hay tự tay hủy hoại lương thực và đi kháng chiến. Trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất, cuộc phản công chiến lược giải phóng kinh thành xảy ra tại bến cảng quân sự Đông Bộ Đầu bên bờ sông Nhị đầu năm 1258. Cuộc kháng chiến lần thứ hai năm 1285, quân đội nhà Trần mở cuộc phản công đập tan hệ thống phong ngự phía nam kinh thành với các trận Hàm Tử, Chương Dương Dương, Tây Kết và tự chúng phải rút lui để bị đánh bại ở Vạn Kiếp (Hải Dương). Trong cuộc kháng chiến lần thứ ba năm 1287-1288, sau một thời gian chiếm đóng kinh thành và tự thấy sắp bị quân Trần phản công, quân Nguyên rút về Vạn Kiếp rồi chia hai đường thủy bộ rút về nước. Đạo quân rút bằng đường thủy đã rơi vào trận địa mai phục ở Bạch Đằng và bị tiêu diệt gần hết. Trong ba lần kháng chiến chống quân Mông Nguyên, khởi lửa chiến tranh đã trùm lên kinh thành và một trận quyết chiến chiến lược đã diễn ra trên đất Thăng Long².

Đầu thế kỷ XV, cuộc kháng chiến chống Minh do nhà Hồ lãnh đạo bị thất bại, dẫn đến 20 năm Minh thuộc. Hệ thống phòng tuyến của nhà Hồ chạy dọc bờ nam sông Nhị mà hai cứ điểm then chốt là thành Đa Bang (Ba Vì, Hà Nội) và Đông Đô (Hà Nội). Quân Minh tấn công hạ thành Đa Bang, chọc thủng phong tuyến và thừa thắng chiếm Đông Đô. Trong 20 năm Minh thuộc, thành Đông Quan (Hà Nội) là phủ thành Giao Châu của quân Minh. Vùng ngoại vi Đông Quan đã bùng nổ nhiều cuộc khởi nghĩa. Trong 10 năm khởi nghĩa Lam Sơn, giữa năm 1426, quân đội Lam Sơn tiến quân ra Bắc và vùng tây nam Đông Quan đã diễn ra chiến trận Tốt Động-Chúc Động, mở đầu chiến dịch bao vây thành Đông Quan. Chiến thắng Chi Lăng-Xương Giang là thắng lợi quyết định trên chiến trường và sau đó, quân đội Lam Sơn vừa vây hãm, vừa dụ hàng buộc quân Minh phải làm lễ thể xin rút toàn quân về nước³. Một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc lâu dài, vô cùng gian nan, nhưng kinh thành được giải phóng một cách hòa bình như Nguyễn Trãi nói:

*Muôn dặm non sông thu phục lại,
Đông Đô phường phố vẫn y nguyên.*

(Nguyễn Trãi, *Phú Núi Chí Linh*)

Cuối thế kỷ XVIII, trong kháng chiến chống Thanh, cuối năm 1788 quân địch đã chiếm được thành Thăng Long. Đầu năm 1789, bằng một chiến dịch thần tốc và một thế trận rất lợi hại, trong 5 ngày, quân Tây Sơn dưới sự thống soái của Quang Trung Nguyễn

Huệ đã đánh tan quân Thanh, giải phóng kinh thành. Trận quyết chiến Ngọc Hồi -Đống Đa đã xảy ra tại phía nam và tây nam thành Thăng Long⁴.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX, thành Hà Nội đã hai lần thất thủ năm 1783 và 1782 cùng với sự hi sinh tuần tiết của hai tướng giữ thành là Tổng đốc Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu⁵. Trong thời Pháp thuộc, Hà Nội là thủ phủ của Bắc Kỳ và của Đông Dương thuộc Pháp. Hà Nội đã chuyển mình theo hướng đô thị hoá phương Tây, là một trung tâm nhạy bén trong tiếp thu nhiều tư tưởng, nhiều ảnh hưởng của văn minh phương Tây và cũng là trung tâm sôi động của phong trào yêu nước và cách mạng chống chủ nghĩa thực dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Cách mạng tháng Tám 1945 thành công khai sinh nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam. Đó là một cuộc cách mạng không đổ máu, nhưng sau đó, Hà Nội đã đứng lên trong cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt trong 60 ngày đêm, mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc. Năm 1954 cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc bằng chiến công vang dội của trận quyết chiến Điện Biên Phủ và thủ đô Hà Nội được giải phóng bằng cuộc tiếp quản hòa bình ngày 10-10-1954.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, tiền tuyến lớn là miền Nam và miền Bắc là hậu phương lớn. Nhưng trong cuộc chiến đấu đánh bại chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân của Mỹ, thì Hà Nội cũng trực tiếp chia lửa với cả nước và một trận quyết chiến đã diễn ra trên bầu trời Hà Nội cuối năm 1972. Đó là thắng lợi của trận Điện Biên Phủ trên không dẫn đến việc ký kết hiệp định Paris buộc quân Mỹ rút khỏi miền Nam để ba năm sau đi đến chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc.

Điểm lại trên những nét lớn, trong nghìn năm Thăng Long-Hà Nội, Việt Nam đã phải thực hiện 12 cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, trong đó có 2 cuộc kháng chiến thất bại là kháng chiến chống Minh dẫn đến thời Minh thuộc 20 năm (1407-1427) và chống Pháp dẫn đến thời Pháp thuộc 60 năm (1883-1945)⁶. Trong thời Minh thuộc có hơn 60 cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ, thời Pháp thuộc các cuộc khởi nghĩa và các phong trào yêu nước, cách mạng nổ ra gần như liên tục. Trong 12 cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, có đến 8 cuộc kháng chiến mà chiến trận đã lan đến Thăng Long-Hà Nội, tức chỉ trừ cuộc kháng chiến chống Tống 1075-1077, cuộc kháng chiến chống Xiêm 1784-1785 và hai cuộc chiến tranh ở biên giới phía tây nam và phía bắc năm 1979. Trong hai thời kỳ bị nước ngoài đô hộ, thời Minh thuộc kết thúc bằng Hội thề buộc quân Minh phải rút quân diễn ra tại phía nam thành Đông Quan (Hà Nội) và thời Pháp thuộc cũng kết thúc bằng thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 trên đất Hà Nội.

Hơn thế nữa, trong 8 cuộc kháng chiến diễn ra trên đất kinh thành thì Thăng Long-Hà Nội là địa bàn của ba trận quyết chiến chiến lược giữ vai trò định đoạt trên chiến trường. Đó là trận Đông Bộ Đầu đầu năm 1258, trận Ngọc Hồi-Đống Đa đầu năm 1789 và trận "Điện Biên Phủ trên không" cuối năm 1972.

Như thế rõ ràng không phải "Thăng Long phi chiến địa", mà ngược lại, Thăng Long - Hà Nội đã nhiều phen chiến trận. Với vai trò trung tâm chính trị quốc gia, làm sao đất kinh kỳ có thể đứng ngoài vòng chiến tranh, làm sao tránh khỏi mục tiêu tấn công của quân xâm lược. Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, Thăng Long - Hà Nội đã chia lửa với cả nước, đã góp phần cùng cả nước đánh thắng quân xâm lược, đã viết nên những trang sử hào hùng trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc, giải phóng dân tộc. Chính từ những trang sử chống xâm lăng đó đã tạo dựng nên *truyền thống anh hùng của thủ đô*. Chính trên

mảnh đất ngàn năm văn hiến này, biết bao thế hệ con dân thủ đô cùng nhân dân cả nước đã chấp nhận những cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt, sẵn sàng hi sinh của cải và tính mạng để bảo vệ thủ đô, để giải phóng thủ đô, góp phần xứng đáng vào công cuộc giữ nước.

Lịch sử Thăng Long- Hà Nội còn vang vọng mãi lời thơ "Nam quốc sơn hà Nam đế cư" thời chống Tống; lời thề "Quyết chiến" của các bô lão trong hội nghị Diên Hồng, lời thề "Sát Thát" của quân sĩ tự khắc trên cành tay, lá cờ thêu sáu chữ vàng của tuổi trẻ Trần Quốc Toản "Phá cường địch, báo hoàng ân" (phá giặc mạnh, báo ơn vua) thời chống Mông Nguyên; lời hiệu dụ của Quang Trung Nguyễn Huệ "Đánh cho sứ tri Nam quốc sơn hà chi hữu chủ" thời chống Thanh; lời tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy"⁷ thời chống Pháp.

Lịch sử Thăng Long - Hà Nội còn in mãi hình tượng của những anh hùng dân tộc tiêu biểu cho ý chí và trí tuệ của dân tộc có công trạng bảo vệ và giải phóng thủ đô như Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Hồ Chí Minh.

Truyền thống anh hùng cùng với hào khí Thăng Long là một di sản vô giá cùng với truyền thống văn hiến tạo nên nội dung và diện mạo lịch sử văn hóa Thăng Long-Hà Nội.

2. Nhưng xem xét về một phương diện khác, câu "Thăng Long phi chiến địa" không chỉ là khát vọng mang tính chủ quan, ước mong về hòa bình mà còn là một nội dung của truyền thống và di sản Thăng Long-Hà Nội. Theo tôi, có hai cơ sở và cội nguồn sâu xa biểu thị khát vọng hòa bình này.

Lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam mang hai đặc điểm lớn.

Thứ nhất là trong lịch sử tồn tại của mình, Việt Nam phải đối phó với nhiều thế lực xâm lăng, phải tiến hành nhiều cuộc kháng chiến chống ngoại. Chỉ tính toán chung, từ kháng chiến chống Tần khoảng năm 214-210 tr.CN đến chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979, Việt Nam đã phải tiến hành 17 cuộc kháng chiến giữ nước⁸. Ngoài 12 cuộc kháng chiến sau khi định đô Thăng Long năm 1010, còn có 5 cuộc kháng chiến thời tiền Thăng Long, trong đó có cuộc kháng chiến chống Triệu năm 179 tr.CN bị thất bại đưa đến thời Bắc thuộc hơn nghìn năm với rất nhiều cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc. Tính từ kháng chiến chống Tần (214-210 tr.CN) đến nay, trong hơn 22 thế kỷ, thời gian chống ngoại xâm, bao gồm cả thời gian kháng chiến chống xâm lược và thời gian chống đô hộ nước ngoài, đã chiếm đến 12 thế kỷ⁹, nghĩa là quá nửa thời gian lịch sử. Có thể nói ít có quốc gia dân tộc nào trên thế giới phải chống ngoại xâm nhiều đến như thế, xét về thời gian và tần số xuất hiện.

Đặc điểm thứ hai là trừ một số ít trường hợp, phần lớn Việt Nam phải chống ngoại xâm trong tương quan lực lượng rất chênh lệch như khái quát của Trần Quốc Tuấn là phải "lấy đoản binh chế trường trận", hay Nguyễn Trãi là "lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều". Trong lịch sử, Việt Nam đã phải đương đầu với nhiều đế chế lớn mạnh thời cổ-trung đại, nhiều cường quốc thực dân chủ nghĩa thời cận- hiện đại.

Trong hai điều kiện lịch sử trên, đã hình thành tư tưởng, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo của Việt Nam. Trong lịch sử chống ngoại xâm, Việt Nam là đối tượng của chiến tranh và Việt Nam không có một lợi ích nào do chiến tranh đưa lại. Đó là mối đe dọa nguy hiểm, là thử thách có tính sống còn của dân tộc, của tổ quốc. Vì vậy Việt Nam bao giờ cũng cố gắng hết sức mình để tránh chiến tranh, dùng mọi biện pháp duy trì hòa

hiếu với nước đang nuôi tham vọng xâm lược và khi biết chiến tranh không thể tránh khỏi thì cố gắng trì hoãn chiến tranh. Nhà Trần đã từng thực thi nhiều nhiều giải pháp ngoại giao hết sức mềm mỏng để trì hoãn đến cùng chiến tranh với nhà Nguyên, kể cả việc cho đặt chức Đạt Lỗ Hoa Xích (Daraguchi) tại kinh thành để giám sát triều đình nhưng có cách làm vô hiệu hóa mọi hoạt động của chúng. Sau cách mạng tháng 8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thực hiện mọi cố gắng để tránh và sau đó để trì hoãn cuộc chiến tranh với Pháp. Đây là một phương diện biểu thị khát vọng hòa bình để cố tránh chiến tranh khốc liệt với nước đi xâm lược.

Khi chiến tranh đã xảy ra thì hình thái chiến tranh là Việt Nam phải huy động sức mạnh của cả nước, cả dân tộc, trước hết là sức mạnh của tinh thần yêu nước, sức mạnh của đoàn kết dân tộc, để đánh thắng quân xâm lược trên đất nước của mình. Một nội dung hết sức quan trọng trong tư tưởng quân sự Việt Nam là trên cơ sở dành thắng lợi quyết định trên chiến trường, kết thúc chiến tranh bằng các giải pháp chính trị, ngoại giao để sớm lập lại quan hệ hòa hiếu với nước đi xâm lược. Điều đó lặp lại nhiều lần như một qui luật trong lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam và sớm được những nhà lãnh đạo chiến tranh trù liệu và tổng kết một cách sâu sắc. Tôi lấy vài trường hợp tiêu biểu.

Trong khởi nghĩa Lam Sơn, sau khi tiêu diệt viện binh, đập tan cố gắng chiến tranh cao nhất của nhà Minh, Lê Lợi cho vây hãm thành Đông Quan buộc quân Minh hội thề, rút quân về nước. Lê Lợi sai mở đường, cung cấp mọi phương tiện, bảo đảm an toàn cho quân Minh rút lui và tha cả 10 vạn tù binh rồi cử sứ giả sang Minh chịu nộp cống, phong vương để nối lại quan hệ bang giao hòa bình. Lê Lợi nói rõ chủ trương đó: "tha mạng sống cho ức vạn người, để dập tắt chiến tranh cho đời sau"¹⁰.

Sau chiến tranh, Nguyễn Trãi tổng kết cách kết thúc chiến tranh này trong bài phú *Núi Chí Linh*:

Nghĩ vì kế lâu dài của nước nhà

Tha kẻ hàng mười vạn sĩ binh.

Sửa hòa hiếu cho hai nước,

Tắt muôn đời chiến tranh.

Trong kháng chiến chống Thanh, ngay sau khi tập kết đại quân ở Tam Điệp và trước khi xuất quân đại phá quân Thanh ở Thăng Long, Quang Trung Nguyễn Huệ đã trù liệu việc bang giao: "Chẳng qua mười ngày có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước ta, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm xấu hổ mà lo báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân, nỡ nào mà làm như vậy. Đến lúc ấy chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi binh đao, không phải là Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được"¹¹. Sau khi chiến tranh kết thúc, Quang Trung đã giao phó công việc bang giao cho Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích và chỉ nửa năm sau, sứ bộ Tây Sơn đã được triều đình nhà Thanh đón tiếp đón trọng thể tại kinh thành Bắc Kinh. Thời vương triều Quang Trung (1788-1892), quan hệ bang giao Việt-Thanh diễn biến tốt đẹp trong thái độ trọng nể của nhà Thanh và cách ứng xử kiên quyết nhưng rất mềm mỏng của Quang Trung.

Trong chiến tranh đã tính đến việc kết thúc chiến tranh và bang giao, sau chiến tranh cố gắng sớm lập lại quan hệ hòa hiếu. *Chủ trương hòa hiếu là một chiến lược nằm trong tư tưởng quân sự Việt Nam, trong yêu cầu kết thúc chiến tranh và là một biểu hiện của tinh thần hòa bình.*

Một sở sở quan trọng nữa của khát vọng hòa bình nằm trong đạo lý nhân văn của dân tộc Việt Nam mà kinh thành là nơi biểu thị rõ ràng và trực tiếp nhất vì đây là nơi đầu não chỉ đạo việc kết thúc chiến tranh và xử lý quan hệ với quân xâm lược và nước đi xâm lược.

Năm 1427 khi Lê Lợi bảo đảm an toàn cho quân Minh rút lui và trao trả hàng vạn tù binh, một số tướng sĩ và quân dân không khỏi bất bình, kéo đến xin Bình Định Vương cho giết hết bọn chúng để trả thù. Nguyễn Trãi là người kiên trì chủ trương kết thúc chiến tranh bằng giải pháp ngoại giao để tạo lập một nền hòa bình lâu dài giữa hai nước. Sử còn ghi: "Chỉ có Hành khiển Nguyễn Trãi tham mưu ở nơi màn trướng, đã xem thư bọc sấp của Thông gửi về nước nói rằng: Chớ vì một góc đất nhỏ nhoi mà bao phen làm nhọc quân đi muôn dặm, giả sử dùng tới số quân như lần đánh ban đầu, có được sáu, bảy, tám viên đại tướng như Trương Phụ thì mới có thể đánh được, nhưng dẫu có đánh được cũng không thể nào giữ được"¹². Chấp nhận chủ trương mưu trí và nhân văn của Nguyễn Trãi, Lê Lợi đã giải thích cho mọi người rằng: "Phục thù báo oán là thường tình của con người. Nhưng không muốn giết người là bản tâm của bậc nhân đức. Và chẳng, người ta đã hàng mà mình giết đi thì chẳng còn gì ghê gớm hơn việc làm không lành ấy. Nếu vì hã giận trong chốc lát mà để muôn đời mang tiếng giết kẻ đã hàng thì chi bằng cho muôn vạn người được toàn tính mạng để dập tắt mỗi chiến tranh về sau, sử xanh ghi chép, nghìn thừa còn thơm, há chẳng tốt đẹp sao?"¹³. Trước thái độ khoan hồng nhân đạo cao cả của Bình Định Vương Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn, quân Minh kéo nhau đến dinh Bồ Đề cảm tạ Lê Lợi với một tấm lòng cảm phục sâu sắc. Sử cũ chép: "Tất cả đều đến dinh Bồ Đề lạy tạ mà về. Bọn Phương Chính vừa xúc động vừa hổ thẹn đến ứa nước mắt"¹⁴.

Ngày 3-1-1428 (ngày 17-12 năm Đinh Mùi) cánh quân bộ cuối cùng của Vương Thông từ thành Đông Quan lên đường về nước. Sử cũ chép trước khi đi, Vương Thông đến dinh Bồ Đề từ biệt, "Thông cùng vua nói chuyện từ biệt suốt đêm rồi mới lên đường. Vua sai đưa trâu rượu, cờ thêu, trướng vẽ, các lễ vật tiễn chân rất ưu hậu"¹⁵. Có lẽ trong lịch sử chiến tranh ít có trường hợp kết thúc chiến tranh bằng những ứng xử bao dung đầy tính nhân văn như vậy mà Nguyễn Trãi đã tổng kết trong *Bình Ngô đại cáo*:

*Ta lấy toàn quân làm cốt, cho dân được nghỉ,
Chẳng những mưu kế cực kỳ sâu xa,
Cũng tưởng xưa nay chưa từng được thấy.*

Trong kháng chiến chống Thanh, Quang Trung nói rõ, khi hai bên đánh nhau, việc chém giết không tránh khỏi và đó là trách nhiệm của kẻ gây chiến. *Chiếu phát phối hàng binh nội địa* (Phối thuộc nội địa hàng binh chiếu) do Ngô Thì Nhậm soạn, Quang Trung kịch liệt lên án tội gây chiến của Tôn Sĩ Nghị, xô đẩy hàng vạn binh sĩ vô tội vào cảnh gươm đao: "*Việc binh là việc độc hại cho dân thiên hạ. Trong lúc chinh phạt, hai bên đánh nhau, hễ gặp địch là giết, đó là lẽ thường trong việc dụng võ, bất được địch mà tha, xưa nay chưa từng có. Trẫm theo mệnh trời, thuận lòng người, nhân thời đổi mệnh, lấy việc binh nhưng mà định thiên hạ. Viên Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị các người, tài hèn sức mọn, không biết những điều cốt yếu trong việc dụng binh, vô cớ đem 29 vạn quân ra khỏi cửa quan, vượt núi trùng đèo, vào sâu nơi trọng yếu, xua các người, một lũ dân vô tội vào vòng mũi tên ngọn giáo. Đó là tội của viên Tổng đốc nhà các người". Bài chiếu nêu cao chiến thắng của ta, vạch rõ thất bại thảm hại của quân Thanh và thái độ bao dung của Quang Trung: "Trẫm một phen vẫy cờ lệnh, quét sạch lũ các người như*

đàn kiến. Thua một trận, lũ các người bị chết thương kể hàng vạn vạn. Những kẻ hiện bị bắt tại trận tiền và thế bách phải đầu hàng, lẽ ra phải chiếu theo quân luật, đem chém hết để răn đe những bọn bạo ngược, song vì thế đức hiếu sinh của thượng đế và lấy lượng cả bao dung, Trẫm tha chết cho các người". Sử sách ghi lại cách đối xử với tù binh, hàng binh của quân Thanh: "Vậy ban chiếu này, phát phối các người vào cơ đội, sung bổ vào quân ngũ, cấp cho lương ăn, để các người khỏi bị khổ gông cùm, lại được ra trận tòng quân, dùng làm nanh vuốt. Đấng vương giả coi bốn bể như một nhà. Lũ các người nên hiểu rõ lòng Trẫm, chớ nên ngờ sợ, hãy nguôi lòng nhớ quê để đền ơn tái ngộ"¹⁶.

Còn đối với hàng vạn xác quân Thanh rải ra trên bãi chiến trường, Quang Trung không những cho thu nhặt chôn thành gò mà còn sai lập đàn cúng tế bên sông để cầu siêu thoát cho cô hồn tướng sĩ quân Thanh chết trận. Nhà vua sai nhà thơ Vũ Huy Tấn soạn bài văn tế mang tiêu đề *Phụng soạn tôn tế Bắc lai trận vong chư tướng văn* (Phụng soạn văn tế tướng sĩ phương Bắc sang bị chết trận). Bài văn tế cũng lên án tội ác xâm lăng của nhà Thanh dẫn đến cảnh thảm bại, hàng vạn xác vùi nơi chiến địa, hoặc bị voi giày hoặc chìm trong dòng Phú Lương (sông Nhị):

Kìa, đấng vương giả đánh dẹp bốn phương,
hả dung thứ nước láng giềng giao tranh gây họa,
Nhưng bậc thánh nhân xót thương một dạ, đâu nỡ coi hồn lữ thứ
hương khói tuyết đường.
Thảm hại thay, sông máu núi xương,
Bao xiết nổi, sấm gào suốt lệ.
Bọn tướng sĩ phương Bắc các người,
Hào kiệt Trung châu,
Vuốt nanh Đại quốc.
Từ lâu hưởng lòng trời hiếu trị, không biết chiến tranh trái đã trăm năm,
Vừa rồi vì họ Tôn tham công, gây họa đau thương ở ngoài ngàn dặm.
Bắt các người vào vòng lam chướng,
Xua các người tới chốn xa trường.
Lìa quê hương, bỏ nhà cửa, đến Chương Dương, Hàm Tử chẳng giết mình,
Dựng hổ trương, vung cờ mao, qua Mã Lĩnh, Quý Môn không biết sợ.
Cứ mê muội vào việc binh đao hung dữ,
Phạm đủ điều cấm kỵ của nhà binh.
Đương lúc quân ta đã gióng ruổi, những muốn xua diệt hết lũ kiến ong,
Nhưng lượng cả bao dung, không nỡ coi gò xác thù làm cảnh đẹp.
Chính trong hàng trận, chẳng may đạn lạc tên rơi,
Nào phải ta không ngăn việc đường cùng đánh chặn.
Kẻ thì kinh hại khi gặp voi, cánh đồng ngoại thành thân mình ngã xuống,
Kẻ thì sẩy chân khi cầu đứt, giữa dòng Phú Lương xác gác lên nhau.
Dẫu bất đắc chí phải quay ngọn giáo,
Cũng là tỏ lòng ở buổi đông hàn.

*Mắt ngấm Tàn Thành trắng dãi, còn chạnh lòng điều phật bi ai,
Lòng đau Lô Thủy mây sâu, khôn dứt nỗi quay xe than khóc.*

*Quang Trung sai lập đàn cúng tế với tấm lòng nhân đạo bao dung:
Thu nhật xương khô, sai đem chôn cất,
Bên bờ sông lớn, dựng đàn tế linh.
Lòng ta thương cả người phương Bắc, xuất của kho để nhuần nắm xương khô,
Hồn các người thôi chớ ở Nam, rời đất khách mà tìm về quê quán.
Hãy kính theo lòng ta vì chúa,
Đặng tỏ ý kính thờ với trời.¹⁷*

Đầu năm 1789, kinh thành Thăng Long đã chứng kiến chiến công anh hùng của mùa xuân Kỷ Dậu, đồng thời xúc động trước nghĩa cử toàn dân tinh thần bao dung, nhân đạo của Quang Trung đối với quân thù khi đã thất bại.

Khát vọng hòa bình là ước mong, là mục tiêu trong kết thúc chiến tranh, là chiến lược bang giao với lân bang, là ứng xử trong đạo lý nhân văn đối với con người, của dân tộc Việt Nam biểu thị tập trung và tiêu biểu trong lịch sử và văn hóa Thăng Long - Hà Nội.

3. Anh hùng và khát vọng hòa bình không chỉ diễn ra và được chứng thực qua lịch sử của Thăng Long - Hà Nội mà còn được đúc kết và biểu thị trong *hai biểu tượng rất đặc trưng trên đất Thăng Long - Hà Nội. Đó là biểu tượng Thánh Gióng và biểu tượng Hoàn Kiếm* (Trả gương).

Trong huyền thoại thời dựng nước, Hà Nội là quê hương và nơi xuất quân của người anh hùng làng Gióng phá giặc Ân mà dấu tích vật thể còn lại là đền Phù Đổng (huyện Gia Lâm, Hà Nội) và nơi người anh hùng bay lên trời là đền Sóc Sơn (huyện Sóc Sơn, Hà Nội) cùng sự tích còn in đậm trong lễ hội Thánh Gióng tổ chức hàng năm vào ngày 9 tháng 4 theo lịch trăng. Đây là lễ hội được coi là cổ nhất, lớn nhất của vùng châu thổ sông Hồng:

*Ai ơi mừng chín tháng tư,
Không đi hội Gióng cũng hư mất đời.*

Truyện Gióng và Hội Gióng như một bản anh hùng ca biểu thị ý chí, quyết tâm và sức mạnh cộng đồng của người Việt cổ trước mối đe dọa của ngoại bang¹⁸. Nhà thơ Hà Nội thế kỷ XIX là Cao Bá Quát đã ngợi ca khí thế xung thiên của Cậu bé anh hùng:

*Phá tặc đản hiềm tam tuế vãn,
Đằng vân do hận cứu thiên đê.
(Phá giặc chỉ hiềm ba tuổi muộn,
Lên mây chỉ giận chín trời thấp.)*

Thánh Gióng đã đi vào ký ức của nhân dân như một biểu tượng anh hùng vừa kỳ vĩ, vừa dung dị của Hà Nội và của cả dân tộc Việt Nam. Lễ hội Thánh Gióng ở đền Phù

Đồng đã được phục hồi và đã lập hồ sơ đề cử Di sản văn hóa phi vật thể của thế giới. Một tượng đài Thánh Gióng uy nghi, hoành tráng đã được dựng lên trên đất Sóc Sơn, nơi người anh hùng hoàn thành sứ mạng và bay lên Trời.

Giữa vùng trung tâm văn hóa truyền thống của Hà Nội, bao đời nay tồn tại hồ Hoàn Kiếm với huyền thoại người anh hùng Lê Lợi sau khi hoàn thành sự nghiệp Bình Ngô, đã trả lại Gươm thiêng cho thần Rùa. Hồ Gươm có cảnh quan thiên nhiên êm đẹp, có Tháp Rùa, có Tháp Bút, Đài Nghiên, có đền Ngọc Sơn...nhưng lắng chìm sâu xa trong mặt nước và trong lòng người là câu chuyện vua Lê Thái Tổ trả Gươm¹⁹. Người anh hùng nhận được Gươm thần từ đất dấy nghĩa Lam Sơn và sau mười năm dẹp giặc, thu hồi lại non sông, giải phóng kinh thành. Sau khi hoàn tất sứ mạng lịch sử, Gươm thiêng được trả về thần Rùa để hoàn toàn chấm dứt chiến tranh, tạo dựng cuộc sống thanh bình.

Nhà thơ Đoàn Nguyên Tuấn thế kỷ XVIII, có bài thơ *Kiểm Hồ xạ đấu* (Hồ Gươm ánh lên sao Đẩu) khắc họa những nét đẹp hào hùng của hồ Hoàn Kiếm:

*Thập niên mao, việt tĩnh Đông Đô,
Long khứ Lam Sơn, kiếm tại hồ.
Bảo diệm quang trâm tam xích ngọc,
Ngưu khu ánh triệt nhất hoàng châu.
Hoa khai xuân sắc hoan trùng khải,
Sương lạc thu thanh khóc tặc phù.
Thương hải tang điền hồ tự nhược,
Thiên uy do họa thủy vân đồ.*

(Tạm dịch:

Mười năm cờ lệnh dẹp Đông Đô,
Rồng về Lam Sơn, kiếm ở lại.
Lửa báu sáng chìm gươm ba thước,
Sao Ngưu trong suốt một hoành châu.
Hoa nở sắc xuân vui chiến thắng,
Sương rơi tiếng thu khóc giặc thù.
Dâu bể qua rồi, hồ còn đó,
Oai trời khắc họa tranh nước mây)

Câu chuyện huyền thoại lại được minh họa bằng sự tồn tại trong lòng hồ cũng không biết từ bao nhiêu thế kỷ, một loại rùa rất quý hiếm mà nay hình như chỉ còn một cá thể được nhân dân tôn vinh là Cự Rùa hay Rùa Thần. Câu chuyện nửa thực nửa ảo, nhưng chứa đựng trong đó một triết lý trường tồn của đất nước gắn liền với khát vọng hoà bình, coi chiến tranh là vạn bất đắc dĩ, hòa bình mới là mãi mãi, là cứu cánh, là mục tiêu, là khát vọng của cuộc sống của con người Thăng Long - Hà Nội và của dân tộc Việt Nam.

Hai biểu tượng bề ngoài có vẻ đối lập nhưng là biểu thị hai nội dung cơ bản của lịch sử và văn hóa Thăng Long - Hà Nội: anh hùng bất khuất trong chiến đấu, hòa bình trong cuộc sống và nền văn hiến muôn thuở.

CHÚ THÍCH

- ¹ Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, Tái bản, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.
- ² Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIII*, Bản in lần thứ 3, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975.
- ³ Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn, *Khởi nghĩa Lam Sơn*, Bản in lần thứ tư, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội 2005.
- ⁴ Phan Huy Lê, Bùi Đăng Dũng, Phan Đại Doãn, Phạm Thị Tâm, Trần Bá Chí, *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, Bản in lần thứ ba, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội 2004, Chiến thắng Ngọc Hồi Đống Đa, tr. 317-412.
- ⁵ Đinh Xuân Lâm (chủ biên), *Hà Nội trong cuộc vận động giải phóng dân tộc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nxb Hà Nội, Hà Nội 2010.
Lê Đình Sỹ (chủ biên), *Thăng Long-Hà Nội, những trang sử vẻ vang chống ngoại xâm*, Nxb Hà Nội 2010.
- ⁶ 12 cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ từ 1010 đến nay là:
 1. Kháng chiến chống Tống (1075-1077)
 2. Kháng chiến chống Mông Cổ (1258)
 3. Kháng chiến chống Nguyên (1285)
 4. Kháng chiến chống Nguyên (1287-1288)
 5. Kháng chiến chống Minh (1406-1407)
 6. Kháng chiến chống Xiêm (1784-1785)
 7. Kháng chiến chống Thanh (1788-1789)
 8. Kháng chiến chống Pháp (1858-1883)
 9. Kháng chiến chống Pháp (1945-1954)
 10. Kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)
 11. Chiến tranh biên giới phía Tây-Nam (1979)
 12. Chiến tranh biên giới phía Bắc (1979).
- ⁷ Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn độc lập*, trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2002, T. 4, tr. 4
- ⁸ Ngoài 12 cuộc kháng chiến trong thời nghìn năm Thăng Long-Hà Nội (1010 đến nay) đã liệt kê ở trên, còn thêm 5 cuộc kháng chiến thời tiền Thăng Long:
 1. Kháng chiến chống Tần (khoảng 214-210 tr.CN)
 2. Kháng chiến chống Triệu (179 tr.CN)
 3. Kháng chiến chống Nam Hán lần thứ nhất (930-931)
 4. Kháng chiến chống Nam Hán lần thứ hai (938)
 5. Kháng chiến chống Tống lần thứ nhất (980-981)Trong 5 cuộc kháng chiến trên, cuộc kháng chiến chống Triệu thất bại đưa đến thời kỳ thuộc Triệu rồi từ 111 tr.CN thuộc Hán, thường gọi chung là thời Bắc thuộc hơn nghìn năm.

⁹ Tính toán cụ thể như sau:

Thời gian chống đô hộ nước ngoài gồm thời Bắc thuộc trên 10 thế kỷ (179 tr.CN-905, thời gian 1.084 năm), thời Minh thuộc 20 năm (1407-1427), thời Pháp thuộc hơn 62 năm (1883-1945), cộng hơn 11 thế kỷ (cụ thể: $1.084 + 20 + 62 = 1.166$ năm).

Thời gian kháng chiến, nhiều cuộc kháng chiến chỉ trong mấy tháng, nhưng cũng có cuộc kháng chiến kéo dài trên dưới mười năm cho đến vài chục năm như kháng chiến chống Tần 6 năm (214-210 tr.CN), kháng chiến chống Pháp cuối thế kỷ XIX kéo dài 25 năm (1858-1883), kháng chiến chống Pháp sau cách mạng tháng 8-1945 kéo dài 9 năm (1945-1954), kháng chiến chống Mỹ 21 năm (1954-1975), cộng lại 36 năm ($6 + 9 + 21 = 36$ năm).

¹⁰ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Q. X-46b, bản dịch Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, T. II, tr. 281.

¹¹ *Hoàng Lê nhất thống chí*, trong *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, Bản dịch Nxb Thế giới, Hà Nội 1997, T. III, tr. 766. Ý tương tự chép trong *Đại Nam liệt truyện*, Q.30, Bản dịch Nxb Thuận Hóa, Huế 1993, T. II, tr. 520.

¹² *Đại Việt sử ký toàn thư*, Q.X-44b, Bản dịch, Sdd, T.II, tr. 279-280.

¹³ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Q.X-46b, Bản dịch, Sdd, T.II, tr.281.

Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, trong *Lê Quý Đôn toàn tập*, Bản dịch, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1977, T.III, tr.70.

¹⁴ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Q.X-47a-b, Bản dịch, Sdd, T.II, tr.282.

¹⁵ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Q.X-47a, Bản dịch, Sdd, T.II, tr.282.

¹⁶ Ngô Thì Nhậm, *Phối thuộc nội địa hàng binh chiểu*, trong *Ngô gia văn phái, Hàn các anh hoa*, xem *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1978, Q.II, tr. 114-116 (bản dịch có chỉnh sửa).

¹⁷ Vũ Huy Tấn, *Phụng soạn tôn tế Bắc lai trận vong chư tướng văn*, trong *Di văn thời Tây Sơn trên đất Thăng Long-Hà Nội*, Nxb Hà Nội, 2010, bản dịch tr. 194-185, bản chữ Hán tr. 192-193; xem thêm *Tổng tập văn học Việt Nam*, T. VIII, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 2002, tr. 185-186.

¹⁸ Viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam, *Lễ hội Thánh Gióng*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 2009.

¹⁹ Nguyễn Vinh Phúc, *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.